

LỜI MỞ ĐẦU

Dưới sự tác động của công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã có những phát triển vượt bậc về mọi mặt. Nền kinh tế đất nước đang được xây dựng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp phát triển là cơ sở để quá trình đô thị hoá được đẩy nhanh. Theo thống kê tính đến nay Việt Nam có 758 đô thị, trong đó có 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cả nước có 5 đô thị trực thuộc TW và 10 đô thị loại 1. Dân số ở các đô thị theo đó cũng ngày càng tăng.

Đô thị hoá nhanh, công nghiệp phát triển là những tiêu chuẩn để đánh giá sự tăng trưởng của một đất nước, làm cho đời sống kinh tế đất nước có những khởi sắc. Tuy vậy nó cũng tồn tại nhiều hạn chế đó là gây áp lực đối với môi trường nhất là môi trường đô thị hiện nay. Cùng với đà phát triển của đô thị và công nghiệp, ô nhiễm môi trường đô thị theo đó cũng tăng nhanh có nơi đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép gây ảnh hưởng không tốt với sức khỏe con người. Các ô nhiễm thường gặp trong các đô thị là ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước, tiếng ồn và ô nhiễm chất thải. Ô nhiễm môi trường đô thị ở Việt Nam đang ở mức báo động đỏ, yêu cầu cấp bách đặt ra là Việt Nam phải có những giải pháp thiết thực nhanh chóng nhằm giảm thiểu tình trạng trên.

Nghiên cứu về vấn đề ô nhiễm môi trường đô thị cũng vì lẽ đó trở thành một vấn đề rất quen thuộc với nhiều bài báo và các tạp chí chuyên ngành. Với đề tài “**Báo động ô nhiễm môi trường đô thị ở Việt Nam**” trong bài tiểu luận này, chúng tôi mong muốn đưa ra cái nhìn tổng quát về tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị để từ đó nhấn lên hồi chuông cảnh báo với các nhà chức trách và người dân trong ý thức bảo vệ môi trường để hướng tới xây dựng một môi trường văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp.

NỘI DUNG

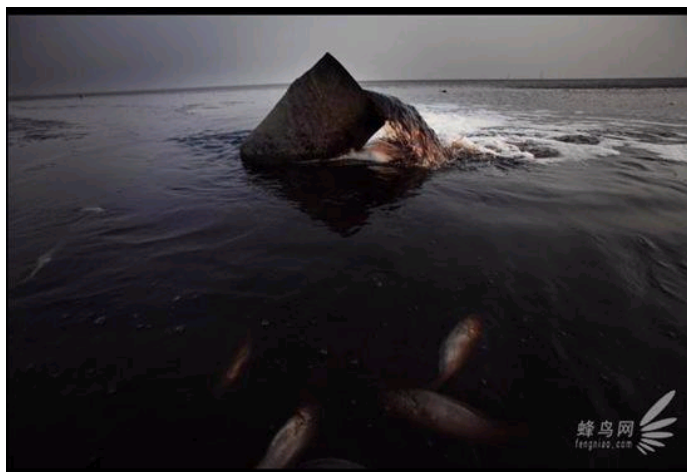
I. THỰC TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

- Ô nhiễm môi trường đang là vấn đề đáng lo ngại không những đối với các nước phát triển mà còn là sự thách thức đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Nước thải chưa qua xử lý đổ vào sông là tình trạng phổ biến ở các đô thị, nghiêm trọng nhất là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh- Theo thống kê, Việt Nam có trên 800.000 cơ sở sản xuất công nghiệp với gần 70 KCX-KCN tập trung. Đóng góp của công nghiệp vào GDP là rất lớn; tuy nhiên chúng ta cũng phải chịu nhiều thiệt hại về môi trường do lĩnh vực công nghiệp gây. Hiện nay khoảng 90% cơ sở sản xuất công nghiệp và phần lớn các KCN chưa có trạm xử lý nước thải. Các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, nặng nhất là công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng, công nghiệp khai thác khoáng sản.

- Hà Nội và TPHCM đã và đang được xếp vào top 10 thành phố ô nhiễm không khí nhất thế giới. Để cải thiện vị trí cũng như hình ảnh của mình, hai thành phố này đã nỗ lực giảm thiểu ô nhiễm không khí như hỗ trợ giá cho phương tiện công cộng, tăng chuyên xe công cộng đảm bảo phủ kín tuyến giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân... nhưng hiệu quả đạt được vẫn thấp. Đây cũng là thực trạng chung mà nhiều thành phố lớn của nước ta đang gặp phải. Chính phủ cũng đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng khí thải của các phương tiện cá nhân nhằm giảm xe không đạt chuẩn, xả thải nhiều gây ô nhiễm môi trường

1. Từ những dòng sông hấp hối

TP.HCM có mạng lưới sông ngòi dày đặc, chỉ riêng các tuyến có thể khai thác giao thông đường thủy đã có chiều dài hơn 1.000km. Bên cạnh đó, sông



ràch còn có tác dụng tiêu thoát nước, điều hòa khí hậu và tạo cảnh quang đô thị. Tuy

nhiên, nhiều năm trở lại đây, tình trạng hủy hoại dòng sông vẫn xảy ra hàng ngày và một ngày trở nên nghiêm trọng với hành động lấn chiếm, sang lấp, xả rác một cách tùy tiện. Với hàng chục ngàn hộ dân sống bên cạnh kênh rạch tất yếu sẽ có một lượng rác thải khổng lồ bị vứt xuống lòng sông.

Theo cuộc khảo sát mới đây, ước tính mỗi ngày hệ thống sông - kênh - rạch phải nhận khoảng 40.000 tấn rác sinh hoạt. Tuy nhiên đó cũng chỉ mới là chuyện nhỏ so với các nhà máy đã tận dụng hệ thống này để làm nơi chứa chất thải. Ở Đồng bằng Sông Cửu Long, hệ thống sông rạch cũng bị ô nhiễm nghiêm trọng do chất thải của nhà máy, khu công nghiệp trong khu công nghiệp trong khu vực. Qua kiểm tra, hiện Sông Hậu đã bị ô nhiễm cấp 2, rạch Sông Trắng bị ô nhiễm cấp 7.

2. Môi trường không khí bị ô nhiễm

Hiện nay, không khí từ ven các dòng sông - rạch - kênh đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Bên cạnh đó không khí ven đường cũng trở nên trầm trọng do chịu tác động bởi bụi và khí thải độc hại được thải ra từ các phương tiện giao thông, các công trình xây dựng, các công trình sản xuất - dịch vụ. Qua khảo sát cho thấy, không khí tại TP.HCM có xu hướng giảm trong khi nồng độ CO ngày càng tăng cao. Hiện tại ở đây còn gần 210 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường chưa được khắc phục hậu quả.

Ô nhiễm không khí và ô nhiễm môi trường được xem là kẻ giết người thầm lặng. Theo thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), hàng năm trên thế giới có khoảng 2 triệu trẻ em bị tử vong do nhiễm khuẩn hô hấp cấp, 60% trường hợp có liên quan đến ô nhiễm không khí.



Tại bệnh viện Nhi đồng 2 (TP.HCM), PGS-TS Võ Công Đồng - Phó Giám đốc bệnh viện cho biết: Trong số các trẻ mắc chứng bệnh Ký sinh trùng, nhiễm trùng nhập viện ngày càng giảm thì bệnh lý hô hấp ở trẻ lại một ngày tăng và chiếm 40 - 50% số bệnh nhi nhập viện điều trị nội trú tại bệnh viện.

3. “Bí” bài toán “rác”.

Ở TP.HCM cả 2 bãi chôn rác của thành phố (Bãi chôn lấp rác số khu xử lý rác Phước Hiệp - Củ Chi và Bãi rác Gò Cát - Quận Bình Tân đều đã quá tải và gặp trục trặc về kỹ thuật. Dù vậy 2 bãi rác này vẫn phải gồng mình” gánh vác một khối



lượng rác khổng lồ, gần 5.000 tấn/ngày. Mùi hôi và ô nhiễm khu vực dân cư xung quanh các bãi rác là rất nghiêm trọng. Bài toán rác vẫn chưa có lời giải thuyết phục.

4. Ô nhiễm tiếng ồn Đô thị

“Thị trấn yên tĩnh” nay đã thành “câu chuyện ngày xưa”. Tiếng ồn của các phương tiện giao thông vận tải, các công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất trong thành phố đã trở thành làn sóng âm thanh âm ỉ suốt cả ngày, rất có hại đến sức khỏe của người dân, ảnh hưởng đến các bệnh viện, trường học. Tệ hại nhất là ống bô xe bị móc ruột, xe xích lô máy...

5. Ô nhiễm sóng vô tuyến

Hiện nay do sự phát triển mạnh mẽ của các công ty cung cấp dịch vụ điện thoại di động(ĐTDĐ), các trạm phát sóng (BTS) mọc lên dày đặc trên những ngôi nhà trong nội thành. Theo tính toán của các chuyên gia, một mạng ĐTDĐ muốn phủ sóng toàn quốc phải lắp đặt khoảng 5.000 trạm BTS. Do vậy, với thực trạng như hiện nay và yêu cầu phát triển sắp tới thì cơn sốt bùng phát trạm BTS sẽ còn tiếp diễn. Dự kiến

đến nay 2010, Viettel sẽ nâng số trạm BTS lên con số 3.000, MobiFone đạt 3.100 trạm ..Để phục vụ cho dân cư các thành phố. Các trạm BTS phải được lắp đặt xen kẽ trong khu dân cư để tiết kiệm chi phí. Điều này không chỉ tạo ra cảnh tượng mất mỹ quan mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

Ở các nước Mỹ, Nhật Bản... quy định về việc lắp đặt các trạm BTS rất chặt chẽ: muốn lắp trong các khu dân cư thì phải đặt trên các ngôi nhà cao từ 100m trở lên, khoảng cách giữa các trạm là từ 800m - 8km. Trái lại, ở Việt Nam, phần lớn các trạm được đặt trên các ngôi nhà chỉ cao 20m, khoảng cách lại quá gần nhau.

II. NGUYÊN NHÂN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

Hiện nay ở Việt Nam, mặc dù các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường, nhưng tình trạng ô nhiễm vẫn là vấn đề rất đáng lo ngại. có nhiều nguyên nhân nhưng ta có thể kết luận thành hai nguyên nhân chính thuộc về khách quan và chủ quan như sau

1. Nguyên nhân khách quan

- ✓ Dân số tăng nhanh: Trong 10 năm qua (1999 - 2009), dân số Việt Nam tăng thêm 9,523 triệu người, bình quân mỗi năm tăng 952 nghìn người. Có ba tỉnh, thành phố có quy mô dân số lớn hơn 3 triệu người, đó là Tp.HCM với 7,163 triệu người, Hà Nội 6,452 triệu người và Thanh Hóa là 3,401 triệu người. Năm tỉnh có dân số dưới 500.000 người là Bắc Cạn, Điện Biên, Lai Châu, Kon Tum và Đắk Nông. Tổng số dân của Việt Nam tính đến ngày 1/4/2009 là 85.846.997 người, bao gồm 42.413.143 nam (chiếm 49,4%) và 43.433.854 nữ (chiếm 50,6%). Cụ thể, dân cư ở khu vực thành thị là 25.436.896 người, chiếm 29,6% tổng dân số cả nước. Trong khi đó, dân số nông thôn là 60.410.101 người, chiếm 70,4% trong tổng dân số. Như vậy, dân số thành thị đã tăng với tốc độ trung bình là 3,4% mỗi năm trong khi tốc độ này ở khu vực nông thôn chỉ là 0,4% mỗi năm. Sự gia tăng dân số đô thị làm cho môi trường khu vực đô thị có

nguy cơ bị suy thoái nghiêm trọng. N không đáp ứng kịp cho sự phát triển nước tăng lên. Các tệ nạn xã hội và càng khó khăn.



- ✓ Sự phát triển, mở rộng các khu đô thị mới, siêu đô thị ... cũng là hệ quả khách quan dẫn đến sự ô nhiễm môi trường mà các nhà quy hoạch đô thị phải chấp nhận. Vì khi chúng ta mở rộng, phát triển đô thị đồng nghĩa với việc lấn đất(nhất là đất nông nghiệp) chuyển đổi mục đích sử dụng, di dời cụm, điểm dân cư và tăng cường khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phá vỡ hệ sinh thái...
- ✓ Tiến trình công nghiệp hóa, đặc biệt là các khu công nghiệp, khu chế xuất, hay sự phát triển của ngành viễn thông đã và đang mang lại nhiều thách thức về vấn đề ô nhiễm môi trường như đất, không khí, nước,...và xuất hiện những kiểu ô nhiễm môi trường mới như ô nhiễm sóng điện từ...
- ✓ Xu thế toàn cầu, đây là vấn đề mà các quốc gia trên thế giới hiện rất quan tâm, ô nhiễm toàn cầu, thiếu nước sạch, sự nóng lên của trái đất, biến đổi khí hậu...Mà trong đó Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng nặng nề. Theo nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), TP Hồ Chí Minh nằm trong danh sách 10 thành phố bị đe dọa nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu (bao gồm Calcutta và Bombay của Ấn Độ, Dacca của Bangladesh, Thượng Hải, Quảng Châu của Trung Quốc, TPHCM của VN, Bangkok của Thái Lan và Yangon của Myanmar) và nếu nhiệt độ trên trái đất tăng thêm 2 độ C, thì 22 triệu người ở VN sẽ mất nhà và 45% diện tích đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa lớn nhất của VN sẽ ngập chìm trong nước biển.

2. Nguyên nhân chủ quan

✓ **Thứ nhất : Ý thức bảo vệ môi trường của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thấp**

Ý thức của người dân kém: Trong cuộc sống hiện đại như ngày nay, vấn đề rác thải đang xuất hiện rất nhiều trong xã hội gây ô nhiễm môi trường và làm biết bao sinh vật chết vì rác. Trong đó vấn đề bức bách nhất là xả rác ra đường hoặc nơi công cộng. Vấn đề xả rác nơi công cộng đã và đang xuất hiện nhan nhản trên đường phố, từ thành thị đến nông thôn, ở mọi lúc mọi nơi. Đặc biệt ta có thể thấy rất rõ hiện tượng này mỗi khi đi trên những con phố lớn, văn minh, người dân vô tư xả rác bừa bãi ngay trên chính vỉa hè, lề phố. Hay khi đi ăn nhà hàng, mặc dù chủ nhà hàng đã để sẵn một thùng rác nhỏ dưới bàn ăn của mỗi người nhưng khi dùng xong giấy ăn hoặc tăm tre thì họ lại thản nhiên vứt xuống nền nhà và tệ hại hơn là vứt qua cửa sổ dẫn đến việc rác thải mắc vào cành cây, dây điện gây mất mỹ quan thành phố hay rơi xuống lòng đường gây khó chịu cho người đi lại. Vào một quán nước, những người hút thuốc hay ăn kẹo cao su đều có gạt tàn để bỏ vào nhưng hình như không ai nhìn thấy nên gạt tàn thì vẫn sạch sẽ còn sàn nhà thì lại đầy những điếu thuốc cùng với những bã kẹo cao su. Những việc làm này đều do một bộ phận người dân vô ý thức bảo vệ môi trường và thành phố, nơi mình sinh sống. Nhìn vào bộ mặt của các đô thị, người ta có thể đánh giá trình độ và mức độ phát triển của một quốc gia. Ở các nước tiên tiến như Singapore, Đức, Anh, Pháp, Hàn Quốc,... vấn đề giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, bảo vệ môi trường sạch đẹp được quan tâm hàng đầu. Còn ở nước ta, chuyện vứt rác, xả nước bẩn làm ô nhiễm nơi công cộng, ném xác súc vật ra đường hay sông, hồ,... thì khá phổ biến. Có thể gọi hiện tượng này là nếp sống thiếu văn hóa, kém văn minh.



hề, lề phố. Hay khi đi ăn nhà hàng, mặc dù chủ nhà hàng đã để sẵn một thùng rác nhỏ dưới bàn ăn của mỗi người nhưng khi dùng xong giấy ăn hoặc tăm tre thì họ lại thản nhiên vứt xuống nền nhà và tệ hại hơn là vứt qua cửa sổ dẫn đến việc rác thải mắc vào cành cây, dây điện gây mất mỹ quan thành phố hay rơi xuống lòng đường

gây khó chịu cho người đi lại. Vào một quán nước, những người hút thuốc hay ăn kẹo cao su đều có gạt tàn để bỏ vào nhưng hình như không ai nhìn thấy nên gạt tàn thì vẫn sạch sẽ còn sàn nhà thì lại đầy những điếu thuốc cùng với những bã kẹo cao su. Những việc làm này đều do một bộ phận người dân vô ý thức bảo vệ môi trường và thành phố, nơi mình sinh sống. Nhìn vào bộ mặt của các đô thị, người ta có thể đánh giá trình độ và mức độ phát triển của một quốc gia. Ở các nước tiên tiến như Singapore, Đức, Anh, Pháp, Hàn Quốc,... vấn đề giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, bảo vệ môi trường sạch đẹp được quan tâm hàng đầu. Còn ở nước ta, chuyện vứt rác, xả nước bẩn làm ô nhiễm nơi công cộng, ném xác súc vật ra đường hay sông, hồ,... thì khá phổ biến. Có thể gọi hiện tượng này là nếp sống thiếu văn hóa, kém văn minh.

Nguyên nhân của những việc làm nói trên đều do người dân thiếu ý thức bảo vệ môi trường và nơi mình sinh sống, phần lớn đều là những thanh, thiếu niên nhưng cũng không ít những người lớn tuổi mắc phải. Khi một gia đình cùng đi chơi mà bố mẹ vô tư xả rác bừa bãi thì đã vô tình tạo thói quen không tốt cho con cái là “đi đến đâu, xả rác đến đó”. Những cụm từ hay các biển cấm “Không xả rác bừa bãi!” hay “Hãy bỏ rác vào thùng!” tại những nơi công cộng như bệnh viện, công viên,... đã trở thành “những điệp khúc” lặp đi lặp lại đối với tất cả chúng ta. Nhiều người cho rằng hành động xả rác đã trở thành thói quen rất khó thay đổi

Sự chấp hành pháp luật về môi trường của các doanh nghiệp chưa nghiêm:

Các doanh nghiệp thường cho rằng, BVMT chỉ gây tốn kém cho doanh nghiệp, làm chi phí của doanh nghiệp tăng lên, nâng cao giá thành sản phẩm khiến doanh nghiệp khó cạnh tranh. Trong khi đó, doanh nghiệp còn đang phải đối phó với quá nhiều các khó khăn khác để tìm kiếm lợi nhuận. Việc đầu tư vào các giải pháp BVMT không sinh lời trước mắt, chỉ thấy tăng thêm chi phí cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt Nam cũng chưa có tầm nhìn dài hạn, yếu kém trong hoạch định chiến lược phát triển. Chính vì vậy, doanh nghiệp còn xem nhẹ việc BVMT, quan tâm đầu tư cho môi trường còn rất mờ nhạt, thậm chí rất nhiều doanh nghiệp đang là tác nhân chính gây ô nhiễm môi trường ở mức độ nghiêm trọng.

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang gây ô nhiễm môi trường



Công tác BVMT tại các doanh nghiệp Việt Nam còn tồn tại nhiều bất cập. Hầu hết, các doanh nghiệp chưa nhận thức được vấn đề BVMT hoặc không quan tâm đến cải thiện môi trường, chậm trễ hoặc trốn tránh việc nộp phí BVMT... Một số doanh nghiệp mới chỉ bắt đầu có ý thức về trách nhiệm BVMT và việc phải chấp hành, triển khai BVMT, đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường tại doanh nghiệp chỉ mang tính chất bắt buộc nhằm đối phó với các cơ quan chức năng chứ chưa xuất phát từ ý thức. Các doanh nghiệp có ý thức BVMT thì lại thiếu chiến lược quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp về công tác BVMT đối với thị trường trong nước và quốc tế...

Hiện nay, tình trạng các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường khá nghiêm trọng. Các vi phạm phổ biến là xả nước thải, khí thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn, chất thải rắn chưa được quản lý đúng quy định... Trong quá trình sản xuất, nhiều doanh nghiệp xả khí thải ở mức độ độc hại cao: hơi axit bốc lên từ các bể mạ kim loại, bụi bông từ các phân xưởng sợi bông, bụi hóa chất từ các khâu phối liệu... Các khí thải ô nhiễm phát sinh từ các nhà máy, xí nghiệp chủ yếu do hai nguồn: quá trình đốt nhiên liệu tạo năng lượng cho hoạt động sản xuất (nguồn điểm) và sự rò rỉ chất ô nhiễm từ quá trình sản xuất (nguồn diện). Tuy nhiên, hiện nay, các cơ sở sản xuất chủ yếu mới chỉ khống chế được các khí thải từ nguồn điểm. Ô nhiễm không khí do nguồn diện và tác động gián tiếp từ khí thải, hầu như vẫn không được kiểm soát, lan truyền ra ngoài khu vực sản xuất. Tình trạng ô nhiễm bụi ở các khu công nghiệp (KCN) diễn ra khá phổ biến, đặc biệt vào mùa khô. Nhiều doanh nghiệp chưa được quan tâm xử lý lượng khí bụi này, dù chỉ là những chụp hút khí đơn giản.

Đối với việc xử lý nước thải thì vi phạm của các doanh nghiệp trở thành phổ biến. Các công trình xử lý nước thải chưa bảo đảm các tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Hiện tượng này rõ nhất là tình trạng ô nhiễm ở các KCN. *Việt Nam hiện có 223 KCN, có 171 KCN đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy là 46% (Nguồn: Bộ KH&ĐT, 2009). Mới đây, kết quả kiểm tra 75 doanh nghiệp trong KCN Quang Minh, có tới 62 doanh nghiệp vi phạm pháp luật BVMT. Tình trạng gây ô nhiễm môi trường của*

doanh nghiệp ở đây đang trở thành mối đe dọa sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái xung quanh.

Bên cạnh đó, rất ít các KCN xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung nên hầu hết nước thải đều thải thẳng ra môi trường. Vì vậy, nước thải tại cống xả chung của KCN bị ô nhiễm nặng nề, vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép. Điển hình là việc gây ô nhiễm môi trường của Công ty Vedan (Đồng Nai) và Công ty Miwon (Phú Thọ) đã để lại hậu quả nặng nề mà theo tính toán sơ bộ sẽ mất rất nhiều tiền bạc và thời gian để có thể phục hồi lại môi trường đã bị ảnh hưởng.

Chất thải rắn của các doanh nghiệp cũng là vấn đề bức xúc. Đối với các chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại như bao bì, thùng chứa hóa chất đáng ra phải thu gom xử lý hoặc chôn lấp thì nhiều doanh nghiệp sản xuất lại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu để cung cấp cho các cơ sở tái chế. Nghiêm trọng hơn, một số doanh nghiệp không thực hiện xử lý chất thải nguy hại mà sau khi thu gom lại đổ lẫn vào cùng chất thải thông thường hoặc lén lút đổ, xả ra môi trường.

Mặt khác, khi nhận chuyển giao công nghệ của nước ngoài, có những doanh nghiệp nhận những dây chuyền công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nguyên liệu thô và nhiên liệu nhiều hơn, thải chất thải ra môi trường cao hơn đã gây thiệt đơn thiệt kép: Tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường và kết quả cuối cùng là làm suy giảm chất lượng sống của cộng đồng.



Bảo vệ môi trường là cách thể hiện trách nhiệm của doanh nhân đến cuộc sống của cộng đồng. Thế nhưng, không phải doanh nghiệp nào cũng thực hiện. Theo ông Bùi Cách Tuyến, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến nay vẫn còn 70% khu chế xuất, khu công nghiệp chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải. 90% doanh nghiệp chưa đầu tư hoặc đã đầu tư hệ thống xử lý chất thải nhưng xử lý chưa đạt yêu cầu. Cao hơn nữa, gần 95% doanh nghiệp chưa có hệ thống xử lý khí thải. Từ thực tế trên khiến cho môi trường nước ta luôn ở mức báo động về ô nhiễm

✓ *Thứ hai: Cơ chế quản lý của chúng ta còn quá yếu kém, thụ động, thiếu tính chặt chẽ.*

Đáng chú ý là sự bất cập trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường. Nhận thức của nhiều cấp chính quyền, cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm về nhiệm vụ bảo vệ môi trường nước chưa sâu sắc và đầy đủ; chưa thấy rõ ô nhiễm môi trường nước là loại ô nhiễm gây nguy hiểm trực tiếp, hàng ngày và khó khắc phục đối với đời sống con người cũng như sự phát triển bền vững của đất nước. Các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường nước còn thiếu (chẳng hạn như chưa có các quy định và quy trình kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý và bảo vệ nguồn nước). Cơ chế phân công và phối hợp giữa các cơ quan, các ngành và địa phương chưa đồng bộ, còn chồng chéo, chưa quy định trách nhiệm rõ ràng. Chưa có chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo lưu vực và các vùng lãnh thổ lớn. Chưa có các quy định hợp lý trong việc đóng góp tài chính để quản lý và bảo vệ môi trường nước, gây nên tình trạng thiếu hụt tài chính, thu không đủ chi cho bảo vệ môi trường nước.

Ngân sách đầu tư cho bảo vệ môi trường nước còn rất thấp (một số nước ASEAN đã đầu tư ngân sách cho bảo vệ môi trường là 1% GDP, còn ở Việt Nam mới chỉ đạt 0,1%). Các chương trình giáo dục cộng đồng về môi trường nói chung và môi trường nước nói riêng còn quá ít. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường nước còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng (Hiện nay ở Việt Nam trung bình có khoảng 3 cán bộ quản lý môi trường/1 triệu dân, trong khi đó ở một số nước ASEAN trung bình là 70 người/1 triệu dân)...

✓ **Thứ ba: *Trình độ quản lý của các cấp chính quyền lá vấn đề cần xem xét:***

Trên thực tế, Luật Bảo vệ môi trường cho đến nay đã rất mạnh mẽ và chặt chẽ. Những doanh nghiệp vi phạm có thể phải đối mặt với nhiều hình thức xử lý nghiêm khắc như phạt tiền nặng, đóng cửa... Thế nhưng những *yếu kém về năng lực quản lý, sự thiếu hụt cán bộ chuyên môn vẫn tạo kẽ hở để nhiều doanh nghiệp tiếp tục vi phạm môi trường*. Riêng về xu hướng tiêu dùng, tại nhiều nước châu Âu và nước phát triển, người dân rất có ý thức trong việc chọn tiêu dùng sản phẩm của doanh nghiệp xanh hoặc sản phẩm xanh. Còn tại nước ta, xu hướng này đã và đang được định hình nhưng chưa thực sự phát triển mạnh mẽ. Do đó, việc khuyến khích người dân, doanh nghiệp tự nâng cao nhận thức của mình là việc làm cấp bách và cần thiết để đảm bảo mục tiêu phát triển nhanh và bền vững mà đại hội Đảng đưa ra.

Định hướng BVMT trong giai đoạn 2011-2015, Bộ TN&MT sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2005, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước, tăng cường các hoạt động, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để lực lượng thanh tra chuyên ngành có thể chủ động, linh hoạt trong hoạt động của mình. Xây dựng và thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về khắc phục suy thoái và cải thiện môi trường, trong đó sẽ tập trung nguồn lực để khắc phục các “điểm nóng” và các vấn đề bức xúc về ô nhiễm môi trường. Từ năm 2005 đến nay có khoảng 60 dự án chiến lược, quy hoạch đã được đánh giá tác động môi trường, trong đó Bộ TN&MT thẩm định, phê duyệt 500 báo cáo, các Bộ ngành và địa phương thẩm định, phê duyệt 6.500 báo cáo, chưa kể rất nhiều dự án, hoạt động đầu tư đã thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, tình trạng gây ô nhiễm môi trường vẫn xảy ra tràn lan trên toàn quốc.

- Có thể nói, *công tác quản lý nhà nước về BVMT còn hạn chế*. Tình trạng vi phạm về môi trường còn phổ biến, nhất là trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh..., việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT còn mang tính hình

thức; không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo cũng như các cam kết BVMT đã phê duyệt.

*Hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT và các luật có liên quan đến lĩnh vực BVMT còn thiếu và chưa rõ ràng, cụ thể. **Ví dụ:** Bộ luật Hình sự quy định xử lý hình sự đối với cá nhân nhưng thực tế ở Việt Nam thì nhiều vụ việc gây ô nhiễm môi trường lại do tổ chức, do đó gây khó khăn trong quá trình xử lý vi phạm. Luật BVMT 2005 chưa quy định rõ ràng giữa quản lý nhà nước về BVMT với quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, nước, khoáng sản, dầu khí, thủy sản... Nhiều trường hợp còn xảy ra sự chồng chéo chức năng, thẩm quyền giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành quản lý các thành phần khác có hoạt động quản lý liên quan đến môi trường.*

Thời gian gần đây hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa rõ ràng, chế tài chưa đủ mạnh để răn đe, còn nhiều lỗ hổng để các đối tượng “lách luật”.

Do bởi hệ thống pháp luật còn nhiều thiếu sót nên việc thực thi pháp luật về môi trường chưa nghiêm:

Ngoài những thành tích đã đạt được, trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường còn nhiều khó khăn. Do phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này ngày một tinh vi hơn, có sự đối phó với cơ quan chức năng, đòi hỏi lực lượng công an phải áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp nghiệp vụ, huy động lực lượng và phương tiện, tổ chức theo dõi thời gian dài. Một khó khăn khác là vi phạm có yếu tố nước ngoài. Trong một số vụ việc khi xử lý, cảnh sát môi trường phải cân nhắc vì yếu tố ngoại giao, giải quyết bài toán “phát triển kinh tế - bảo vệ môi trường - công ăn việc làm cho người lao động”.

Việc xử lý vi phạm pháp luật về môi trường hiện nay chưa có sự đồng đều, thống nhất và chưa thực sự nghiêm minh. Nguyên nhân là do quan điểm xử lý giữa các địa phương,

một số Bộ, ngành chưa thống nhất. Nhiều nơi do ưu tiên phát triển kinh tế nên kêu gọi đầu tư dàn trải, cấp phép kinh doanh ồ ạt, không quan tâm để thẩm định, đánh giá ảnh hưởng của các dự án đối với môi trường, nhất là các dự án thuộc lĩnh vực trọng điểm hoặc khi xử lý đối với doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế nhà nước.

✓ ***Thứ tư: Công tác lập quy hoạch đô thị chưa được chú trọng thích đáng:***

Công tác quy hoạch khu công nghiệp(KCN), khu đô thị(KĐT) còn nhiều bất cập. Nhiều KCN được quy hoạch sát khu đô thị, các dòng sông, trục giao thông và các khu vực nhạy cảm về môi trường; quy hoạch chưa có đủ cơ sở khoa học, chưa tính đến các yếu tố tự nhiên và xã hội nên tính khả thi thấp. Các địa phương đều đã có quy hoạch khu đô thị, khu kinh tế, KCN nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện quy hoạch, nhất là việc huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các KCN, KĐT và công trình thu gom xử lý nước thải, rác thải.

Cơ sở hạ tầng cấp thoát nước, thu gom là xử lý nước thải, chất thải của hầu hết các đô thị không đáp ứng yêu cầu BVMT. Nước thải sinh hoạt và nước mưa cùng thoát chung vào một hệ thống. Trong số các KCN hiện nay, có 74 KCN đã đầu tư và đưa vào hoạt động các nhà máy xử lý nước thải tập trung(chiếm 43% số KCN đã vận hành) và 22 KCN đang xây dựng công trình xử lý nước thải. Còn lại 75 KCN đang hoạt động chưa có công trình xử lý nước thải.

Một số KCN có xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhưng hầu như không vận hành, ở nhiều nơi có vận hành nhưng nước thải không đạt tiêu chuẩn cho phép và hoạt động mang tính chất đối phó khi có đoàn kiểm tra, giám sát đến.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

Ô nhiễm là vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, hoạt động của đô thị: Xây dựng, sử dụng đất, giao thông, hoạt động dân sinh, công nghiệp, năng lượng... Do vậy, việc kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm không khí đô thị phải dựa trên một loạt

các giải pháp đồng bộ, sử dụng đồng thời các công cụ về chính sách, kinh tế và khoa học, công nghệ với sự phối hợp chặt chẽ của các bộ/ngành và địa phương. Vai trò của chính quyền các địa phương là vô cùng quan trọng trong việc kiểm soát, hạn chế các nguồn gây ô nhiễm không khí. Các giải pháp sẽ không thể thành công nếu không có sự tham gia của chính quyền các địa phương, mà cụ thể là chính quyền các đô thị và cộng đồng. Sau đây là các giải pháp cụ thể:

1. Một là, hoàn thiện tổ chức cơ quan quản lý môi trường đô thị

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của hệ thống các cơ quan quản lý môi trường không khí từ cấp trung ương đến địa phương theo hướng phân định rõ chức năng của các cơ quan, đơn vị và đầu mối về quản lý môi trường không khí trong hệ thống các cơ quan quản lý môi trường.
- Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch bảo vệ môi trường tại các đô thị.
- Cải tiến cơ chế tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn chi cho công tác bảo vệ môi trường.

2. Hai là, xác lập cơ chế quản lý về môi trường đô thị

- Tăng cường hệ thống tổ chức bộ máy QLNN về bảo vệ môi trường nhất là ở các đô thị nơi mà tập trung rất nhiều khu công nghiệp và khu chế xuất. Trong đó, cần xác rõ quyền hạn, trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan để công tác quản lý không chồng chéo, trùng lặp, làm giảm hiệu quả hoạt động
- Xây dựng cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin về môi trường không khí đô thị giữa các bộ/ngành và các thành phố phục vụ nghiên cứu, theo dõi, đánh giá, dự báo về tình hình chất lượng môi trường không khí đô thị trên cả nước. Hình thành Mạng lưới không khí sạch đô thị.
- Bổ sung chính sách thuế, phí, quỹ môi trường.

- Tăng cường các biện pháp cưỡng chế tài chính đối với hành vi không tuân thủ quy định bảo vệ môi trường.
- Xây dựng đội ngũ thanh, kiểm tra môi trường. Đội ngũ này phải hoạt động thường xuyên và có hiệu quả nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hoạt động nguy hại đến môi trường.

3. *Ba là, hoàn thiện hệ thống chính sách, luật pháp*

- Tăng cường pháp chế về bảo vệ môi trường không khí, bao gồm nội dung hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí theo hướng “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và các chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí
- Rà soát, hoàn thiện các quy chuẩn quốc gia về môi trường không khí.

4. *Bốn là, lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường vào các quy hoạch*

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế thực sự lồng ghép các yêu cầu bảo vệ môi trường không khí vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương, đặc biệt là các quy hoạch phát triển đô thị và khu công nghiệp.
- Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí quốc gia và tại các đô thị lớn như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh.
- Xây dựng và duy trì bộ khung thiên nhiên ở mỗi đô thị

5. *Năm là, tăng cường kinh phí cho quản lý môi trường :*

- Tăng tỷ lệ chi cho bảo vệ môi trường không khí từ các nguồn ngân sách, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.
- Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức quốc tế và các nước cho các hoạt động quản lý và bảo vệ chất lượng không khí đô thị.

6. *Sáu là, đẩy mạnh hoạt động quan trắc môi trường không khí đô thị*

Đẩy nhanh việc xây dựng và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại cho mạng lưới quan trắc chất lượng không khí tại các thành phố lớn, khu công nghiệp để giám sát, phát hiện các vấn đề ô nhiễm không khí, hoặc các nguồn khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí để có những biện pháp xử lý kịp thời.

7. Bảy là, tăng cường áp dụng một số biện pháp nhằm kiểm soát, giảm phát thải chất ô nhiễm vào môi trường không khí đô thị

- Tăng cường phương tiện giao thông công cộng.
- Khuyến khích phát triển của các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch như cồn nhiên liệu, biodiesel và điện.
- Ứng dụng các giải pháp giảm thiểu phát thải chất ô nhiễm như sản xuất sạch hơn; lắp đặt các thiết bị xử lý khí thải tại nguồn phát thải; cải tiến quy trình đốt nhiên liệu trong sản xuất, thay thế nhiên liệu ít gây ô nhiễm.
- Tăng mật độ cây xanh trong các đô thị.
- Di dời các xí nghiệp, nhà máy ra khỏi vùng đô thị đông dân. Áp dụng nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền”, “Tính lệ phí nước thải của mỗi xí nghiệp công nghiệp”
- Lập dự án xây dựng các nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt.

8. Tám là, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, đào tạo về môi trường không khí

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực môi trường không khí.
- Tăng cường lồng ghép các nội dung đào tạo về môi trường vào trong các chương trình đào tạo các chuyên ngành.
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu tìm ra nguồn nguyên, nhiên liệu sạch; sử dụng và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn tái nguyên thiên nhiên.

9. *Chín là, nâng cao nhận thức của cộng đồng đô thị*

- Tăng cường tuyên truyền, phổ cập hóa nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường sống.
- Cung cấp thông tin về chất lượng môi trường sống cho cộng đồng. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của chất lượng môi trường không khí xung quanh đối với sức khỏe của cộng đồng.
- Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào trường học.

10. *Mười là, hạn chế luồng di dân từ nông thôn về thành thị.*

Luồng di dân này gây ra một gánh nặng rất lớn cho chính quyền các đô thị về môi trường, nhà ở, việc làm, phúc lợi xã hội. Do đó, cần có những biện pháp cụ thể để giải quyết vấn đề này:

- Giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho lao động nông thôn.
- Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn đảm bảo chất lượng cuộc sống người dân

Trên đây là tổng hợp các giải pháp nhằm giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các đô thị Việt Nam. Các giải pháp này phải được tiến hành quyết liệt và đồng thời với sự tham gia, phối hợp, thực hiện của các bộ/ngành, địa phương và cộng đồng thì mới có thể mang lại hiệu quả tích cực cho môi trường đô thị Việt Nam nói chung và TP Hồ Chí Minh nói riêng.

TỔNG KẾT

Từ những phân tích trên cho thấy vấn đề ô nhiễm môi trường ở Việt Nam là một vấn đề đáng báo động, người ta ví như là một hồi chuông cảnh báo cho vấn đề môi trường sinh thái bị xâm hại mà hậu quả của nó mang tính huỷ hoại đối với môi trường sống. Trên cơ sở thực tiễn, chúng ta cần phải xây dựng những chính sách quản lý phù hợp, mang lại hiệu quả thiết thực hơn trong vấn đề chống ô nhiễm và bảo vệ môi

trường. Để giải quyết vấn đề này, đòi hỏi phải có sự phối kết hợp của nhiều cơ quan, đoàn thể trong xã hội và trong đó yếu tố không thể thiếu là ý thức bảo vệ môi trường của người dân.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Nội dung	2
I. Thực trạng ô nhiễm môi trường đô thị	2
1. Từ những dòng sông hấp hối	2

2. Môi trường không khí ô nhiễm	3
3. “Bí” bài toán rác	3
4. Ô nhiễm tiếng ồn đô thị	4
5. Ô nhiễm sông vô tuyến	4
II. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường đô thị	5
1. Nguyên nhân khách quan	5
2. Nguyên nhân chủ quan	7
III. Một số giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đô thị	15
Tổng kết	19
Tài liệu tham khảo	20